

Bản án số: **36/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/06/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Kim Phụng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Hồ Văn Tài.**

2. Ông Phạm Đức Anh.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Phương D** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **87/2020/TLST-HNGĐ** ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc: “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **38/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 21 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số **20/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 28 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Anh Trần Công N**, sinh năm 1980 (có mặt)

*** Bị đơn:** **Chị Lê Thị D**, sinh năm 1976(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI D VU ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/09/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Công N trình bày:*

Anh và chị Lê Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không tôn trọng nhau. Từ tháng 11 năm 2018 anh N dọn ra ngoài sống riêng và vợ chồng ly

thân từ thời gian đó. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh Trần Công N yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị D.

Anh chị chung sống có 01 con chung là: cháu Trần Như N, sinh ngày 23/01/2018. Hiện nay, cháu N đang sống cùng chị D. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh N khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 10/03/2020 tại địa phương cho biết: anh Trần Công N và chị Lê Thị D là vợ chồng và có 01 người con là cháu Trần Như Nguyễn, sinh ngày 23/01/2018, vợ chồng anh N và chị D hiện nay không sống chung với nhau, còn nguyên nhân mâu thuẫn gia đình của chị Dung, anh N địa phương không nắm rõ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định
- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn anh N khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”
- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ký hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về tư cách tố tụng: anh N có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Dung, xác định là nguyên đơn, chị D là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định.

2. Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4. Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh N cho rằng sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến tháng 11/2018 vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Về con chung: anh N đồng ý giao cháu Trần Như N, sinh ngày 23/01/2018 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Nguyễn mới 02 tuổi, cháu còn nhỏ, hiện chị D đang nuôi dưỡng. Nghĩ nên giao cháu cho chị D nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

Bởi các lẽ trên: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Công Nhi, anh N được ly hôn với chị Lê Thị D.

Về con chung: Giao cháu Trần Như N, sinh ngày 23/01/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Trần Công N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đến tuổi trưởng thành là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Công N khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị Dung, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội D vụ án: Tại phiên tòa anh Trần Công N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của anh N; Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Trần Công N kết hôn với chị Lê Thị D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị D không có sự tôn trọng anh N nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, mất hạnh phúc. Kéo dài đến 11/2018 anh N dọn ra ngoài sống riêng, hai vợ chồng ly thân kể từ thời gian đó. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã

quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh Trần Công N yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị D. Riêng chị D không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai và cung cấp chứng cứ theo quy định.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị D và anh N tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho anh Trần Công N được ly hôn với chị Lê Thị D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: anh Trần Công N đồng ý giao cháu Trần Như Nguyễn, sinh ngày 23/01/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, cháu Nguyễn đang do chị D nuôi dưỡng, hiện cháu còn nhỏ, cuộc sống của cháu đã ổn định. Nghĩ nên tiếp tục giao cháu Nguyễn cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: anh Trần Công N không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: anh Trần Công N khai không có.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Trần Công N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Công N đối với chị Lê Thị D về việc “Ly hôn”. Cho anh Trần Công N được ly hôn với chị Lê Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Như N, sinh ngày 23/01/2018 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Trần Công N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đồng(Một triệu).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Trần Công N được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị D và anh N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: anh Trần Công N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí anh Trần Công N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0009082 ngày 20/02/2020 được tính trừ vào án phí.

Anh Trần Công N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

ơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng